TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST
Ngày: 12-6-2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải Yến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trường;
2. Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Việt Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ; địa chỉ: Số nhà 34/3 Ng H, Phường M, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Lê Mỹ L; địa chỉ: Số nhà 41 B Tr, khu phố T Tr, Phường 1, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, bà Trần Lê Mỹ L vay ông Nguyễn Xuân Đ tám khoản vay với tổng số tiền 178.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 19/10/2017, bà L vay ông Đ số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 20/10/2017, bà L vay ông Đ số tiền 30.000.000 đồng;
Ngày 26/10/2017, bà L vay ông Đ số tiền 30.000.000 đồng;
Ngày 27/10/2017, bà L vay ông Đ số tiền 40.000.000 đồng;
Ngày 30/10/2017, bà L vay ông Đ số tiền 10.000.000 đồng;
Ngày 24/11/2017, bà L vay ông Đ số tiền 20.000.000 đồng;

Ngày 08/12/2017, bà L vay ông Đ số tiền 20.000.000 đồng;

Ngày 11/12/2017, bà L vay ông Đ số tiền 18.000.000 đồng;

Ông Đ nhiều lần yêu cầu bà L thanh toán cho ông Đ nhưng bà L không chịu thanh toán, vì vậy ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L trả lại cho ông Đ toàn bộ số tiền gốc là 178.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Trong đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến ngày 05/12/2018 đối với tất cả các khoản vay là 17.236.000 đồng.

Nay, ông Đ thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 12/02/2019 (ngày hết thời hạn niêm yết thông báo thụ lý vụ án) tính đến ngày 12/6/2019 với mức lãi suất 0,8%/tháng, cụ thể: 178.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 4 tháng = 5.696.000 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 183.696.000 đồng.

Rút yêu cầu với số tiền lãi là 11.540.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Lê Mỹ L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ, buộc bị đơn bà Trần Lê Mỹ L phải trả cho ông Đ số tiền 183.696.000 đồng, trong đó tiền gốc là 178.000.000 đồng và tiền lãi là 5.696.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Lê Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung: Theo nội dung các giấy mượn tiền có cơ sở khẳng định bà L đã vay ông Đ 8 lần với tổng số tiền 178.000.000 đồng. Nội dung các giấy mượn tiền không thể hiện thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất, nên giao dịch được xác lập, thực hiện giữa ông Đ với bà L được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi.

Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có*

quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Ông Đ cho rằng đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng không chứng minh được thời điểm ông Đ yêu cầu bà L trả toàn bộ số tiền trên do đó xác định thời điểm phía bị đơn tiếp nhận được Thông báo thụ lý vụ án về việc ông Đ khởi kiện là thời gian hợp lý mà bị đơn biết được bên cho vay yêu cầu trả nợ. Như vậy, thời điểm kết thúc thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án vào ngày 12/02/2019 là ngày xác định thời điểm trả nợ. Bà L đã tiếp nhận được yêu cầu khởi kiện của ông Đ nhưng không có ý kiến phản đối, như vậy được xem là mặc nhiên thừa nhận, do đó căn cứ các Điều 463; khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà L phải trả cho ông Đ số tiền 178.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Các giấy mượn tiền không có thỏa thuận về lãi suất, theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Lãi suất nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Thấy rằng mức lãi suất yêu cầu 0,8%/tháng không vượt quá mức lãi suất theo quy định và thời gian tính lãi từ ngày 12/02/2019 (ngày hết thời hạn niêm yết thông báo thụ lý vụ án) tính đến ngày 12/6/2019 phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Trần lê Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Đ, buộc bị đơn bà Trần Lê Mỹ L phải trả cho ông Đức số tiền 183.696.000 đồng *(Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng),* trong đó tiền gốc là 178.000.000 đồng và tiền lãi là 5.696.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Bà Trần Lê Mỹ L phải chịu 9.184.800 đồng *(Chín triệu một trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Xuân Đ không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.880.000 đồng *(Bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009487 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến